

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU LỊCH VÀ VẬN TẢI NAM PHÁT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU LỊCH VÀ VẬN TẢI NAM PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NAM PHAT TRAVEL TRADING AND TRANSPORT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109511147

3. Ngày thành lập: 26/01/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Xóm 21, Xã Thạch Đà, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0985985791

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
2.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
3.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
4.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
5.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
6.	Sản xuất giày, dép	1520
7.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
8.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
9.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
10.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
11.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
12.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
13.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
14.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
15.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
16.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
17.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
18.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
19.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
20.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
21.	Sửa chữa thiết bị điện	3314

22.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
23.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
24.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
25.	Xây dựng nhà để ở	4101
26.	Xây dựng nhà không để ở	4102
27.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
28.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
29.	Xây dựng công trình thủy	4291
30.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
31.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
32.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
33.	Phá dỡ (Trừ hoạt động nổ bom mìn)	4311
34.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động nổ bom mìn)	4312
35.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
36.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
37.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này. - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.	4329
38.	Hoàn thiện công trình xây dựng (Trừ hoạt động nổ bom mìn)	4330
39.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối; - Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan; - Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển	4390

40.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
41.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
42.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
43.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
44.	Bán buôn thực phẩm	4632
45.	Bán buôn đồ uống	4633
46.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
47.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
48.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (Trừ đấu giá)	4651
49.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
50.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
51.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)	4659
52.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim	4663
53.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ hoạt động đấu giá và hoạt động nhà nước cấm)	4669

54.	Bán buôn tổng hợp (Trừ hoạt động nhà nước cấm và hoạt động đấu giá)	4690
55.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
56.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
57.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
58.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác trong các cửa hàng chuyên doanh : Bán lẻ ba lô, vali, hàng du lịch bằng da, giả da và chất liệu khác	4771
59.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
60.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
61.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
62.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
63.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
64.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô	4932(Chính)
65.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
66.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương Chi tiết: - Hoạt động của tàu thuyền du lịch hoặc thăm quan.	5011
67.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
68.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay	5229
69.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
70.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
71.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
72.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
73.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
74.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ hoạt động tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính)	7020
75.	Cho thuê xe có động cơ	7710
76.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721

77.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
78.	Đại lý du lịch	7911
79.	Điều hành tua du lịch	7912
80.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
81.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
82.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
83.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
84.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
85.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hoạt động báo chí)	8230
86.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
87.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700
88.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm vật chất tự tiêu dùng của hộ gia đình	9810
89.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	9820

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN HỮU NAM

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *05/07/1991*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001091007004*

Ngày cấp: *08/12/2017*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 21, Thôn 4, Xã Thạch Đà, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm 21, Thôn 4, Xã Thạch Đà, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội